

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

TRẦN QUỐC ĐẠT

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ
TRANG TRẠI Ở HUYỆN ĐẠI LỘC,
TỈNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2012

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. VÕ XUÂN TIẾN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày ...tháng... năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam là địa phương có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế trang trại nhưng chưa được khai thác hiệu quả. Các trang trại trên địa bàn huyện còn trong tình trạng kém phát triển và đang gặp nhiều khó khăn về định hướng kinh doanh, đất đai, vốn, lao động, thị trường tiêu thụ... Do đó cần có những giải pháp đồng bộ phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương để thúc đẩy sự phát triển của mô hình kinh tế này. Vì vậy, đề tài "*Một số giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam*" được lựa chọn nghiên cứu để tìm ra những hướng đi thích hợp nhằm giải quyết những vấn đề còn tồn tại, tận dụng thế mạnh, tiềm năng của địa phương để khai thác hợp lý các nguồn lực, để kinh tế trang trại góp phần quan trọng vào việc xóa đói giảm nghèo cho các hộ nông dân, góp phần chung vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về kinh tế trang trại và phát triển kinh tế trang trại.

- Phân tích thực trạng phát triển kinh tế trang trại trong lĩnh vực nông lâm tại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

- Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển có hiệu quả kinh tế trang trại trong lĩnh vực nông lâm tại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận và

thực tiễn phát triển kinh tế trang trại trong lĩnh vực nông lâm tại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

- Phạm vi nghiên cứu

+ Về nội dung: Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề nhằm phát triển kinh tế trang trại trong lĩnh vực nông lâm.

+ Về không gian: Nội dung nghiên cứu trên được tiến hành tại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

+ Về thời gian: Các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong khoảng thời gian 6 - 7 năm đến.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp điều tra, khảo sát.

- Phương pháp phân tích, so sánh.

- Phương pháp chuyên gia.

- Phương pháp phân tích thực chứng, phân tích chuẩn tắc.

5. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, mục lục, phụ lục, danh mục các bảng, đồ thị, kết luận, tài liệu tham khảo, luận văn gồm 03 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về phát triển kinh tế trang trại.

Chương 2: Thực trạng phát triển kinh tế trang trại ở huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Chương 3: Một số giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1.1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI

1.1.1. Một số khái niệm

- Kinh tế trang trại là loại hình kinh tế sản xuất hàng hóa phát triển trên cơ sở kinh tế hộ nhưng ở quy mô lớn hơn, được đầu tư nhiều hơn về cả vốn và kỹ thuật, có thể thuê mướn nhân công để sản xuất ra một hoặc vài loại sản phẩm hàng hóa từ nông nghiệp với khối lượng lớn cho thị trường.

Để thống nhất tiêu chí xác định một đơn vị sản xuất kinh doanh là loại hình kinh tế trang trại, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đã ban hành Thông tư số 27/2011/BNNPTNT Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

- Phát triển kinh tế trang trại là tổng thể các biện pháp, chính sách để phát triển các trang trại cả về số lượng cũng như năng lực sản xuất (đất đai, lao động, cơ sở vật chất...) nhằm sản xuất nhiều sản phẩm hàng hóa cho thị trường và nâng cao hiệu quả của quá trình sản xuất. Trên cơ sở đó gia tăng phần đóng góp với nhà nước, nâng cao thu nhập của chủ trang trại.

1.1.2. Ý nghĩa của việc phát triển kinh tế trang trại

- Phát triển kinh tế trang trại thúc đẩy chuyên môn hoá sản xuất, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp - nông thôn và phát triển kinh tế hàng hoá.

- Phát triển kinh tế trang trại sẽ làm tăng giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển kinh tế trang trại đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp - nông thôn.

- Phát triển kinh tế trang trại góp phần giải quyết việc làm cho lực lượng lao động nông thôn.

- Phát triển kinh tế trang trại thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Phát triển kinh tế trang trại khai thác hiệu quả các nguồn lực.

- Phát triển kinh tế trang trại góp phần cải thiện môi trường sinh thái.

1.2. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1.2.1. Phát triển số lượng trang trại

- Phát triển số lượng trang trại là việc gia tăng số lượng các cơ sở trang trại qua các năm theo chiều hướng năm sau cao hơn năm trước. Nói cách khác là làm tăng số lượng tuyệt đối các trang trại, nhân rộng các trang trại hiện có, làm cho loại hình kinh tế trang trại phát triển lan tỏa sang những khu vực khác và qua đó phát triển thêm số lượng các cơ sở trang trại mới. Phát triển số lượng trang trại góp phần làm cho các ngành kinh tế phát triển.

- Việc gia tăng số lượng trang trại được thể hiện bằng cách phát triển mới các cơ sở sản xuất nông nghiệp theo hình thức trang trại hay chuyển hóa kinh tế hộ gia đình thành kinh tế trang trại; hoặc là phát triển về mặt cơ cấu, tức là chuyển hóa cơ cấu sản xuất của các trang trại theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ quảng canh sang thâm canh, từ sản xuất lệ thuộc vào tự nhiên sang sản xuất chủ động mang tính chất công nghiệp tiên tiến. Việc phát triển số lượng trang trại đòi hỏi sự gia tăng các yếu tố nguồn lực trong nông nghiệp như đất đai, lực lượng lao động nông thôn, vốn đầu tư.

- Các tiêu chí đánh giá sự phát triển về số lượng trang trại là:

- + Số lượng trang trại tăng qua các năm.
- + Tốc độ tăng của số lượng các trang trại.
- + Số lượng trang trại tăng của từng ngành, từng khu vực, từng địa phương, từng lĩnh vực sản xuất.

1.2.2. Gia tăng các yếu tố nguồn lực

- Gia tăng các yếu tố nguồn lực của trang trại là việc làm tăng năng lực sản xuất của từng trang trại thông qua gia tăng quy mô về đất đai, lao động, vốn đầu tư, cơ sở vật chất và các điều kiện khoa học - công nghệ của trang trại. Điều này cũng có nghĩa, khi trang trại phát triển thì quy mô các yếu tố nguồn lực tăng lên, làm tăng khả năng sản xuất và kết quả là giá trị nông sản hàng hóa thu được trong từng trang trại tăng lên. Các yếu tố nguồn lực để phát triển kinh tế trang trại gồm:

- + Nguồn lực đất đai: Nâng cao nguồn lực đất đai thông qua việc tích tụ và tập trung ruộng đất, các chính sách hạn điền...
- + Nguồn nhân lực: Nâng cao kiến thức và khả năng lao động của chủ trang trại, xây dựng tác phong công nhân nông nghiệp cho người lao động hoạt động sản xuất kinh doanh trong các trang trại.
- + Nguồn lực tài chính: Nâng cao khả năng huy động vốn và khả năng tự tài trợ của trang trại.
- + Các điều kiện cơ sở vật chất: Nâng cao khả năng tiếp cận nguồn nguyên, vật liệu, máy móc, thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và lưu thông hàng hóa nông sản.
- + Nguồn lực về khoa học - công nghệ: Nâng cao trình độ khoa học và công nghệ, khả năng tiếp cận máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến của thế giới.

- Việc gia tăng các yếu tố nguồn lực của trang trại được thực hiện bằng cách đầu tư mở rộng trực tiếp các trang trại, sáp nhập và tiếp quản các trang trại, liên doanh, liên kết giữa các trang trại.

- Các tiêu chí đánh giá sự phát triển các yếu tố nguồn lực của trang trại là:

- + Tăng diện tích đất đai canh tác và hệ thống cơ sở vật chất của mỗi trang trại,
- + Tăng số lượng lao động của từng trang trại,
- + Tăng quy mô vốn đầu tư của các trang trại,
- + Các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ qua các năm.

1.2.3. Liên kết sản xuất của các trang trại

- Liên kết sản xuất của các trang trại là một hình thức hợp tác trên tinh thần tự nguyện, tự giác của các trang trại nhằm khai thác tiềm năng của mỗi trang trại trong quá trình sản xuất kinh doanh. Liên kết sản xuất giữa các trang trại thông qua các hình thức:

- + Liên kết ngang: Là liên kết giữa các trang trại trong cùng một ngành.
 - + Liên kết dọc: Là liên kết giữa các trang trại với các cơ sở tiêu thụ nông sản làm ra của các trang trại.
 - + Hiệp hội: Là hình thức liên kết quan trọng của các tổ chức mang tính chất hiệp hội phát triển kinh tế thị trường.
- Việc liên kết sản xuất của các trang trại cần quan tâm đến việc đa dạng hóa các loại hình trang trại, trong đó chú trọng những mô hình trang trại có lợi thế và tiềm năng phát triển, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Việc liên kết sản xuất sẽ giúp các trang trại tiết kiệm chi phí, tăng quy mô; giúp các trang trại chủ động, linh hoạt, nhạy bén hơn trong sản xuất kinh doanh trong điều kiện toàn cầu hóa;

giúp các trang trại nhanh chóng tiếp cận với công nghệ mới; giảm thiểu rủi ro, mở rộng thị trường.

- Các tiêu chí đánh giá sự liên kết sản xuất của các trang trại là:
- + Số lượng trang trại tham gia liên kết sản xuất kinh doanh,
- + Các loại hình liên kết, tổ chức hiệp hội phát triển qua các năm.

1.2.4. Phát triển thị trường của các trang trại

- Phát triển thị trường là việc các trang trại tìm cách gia tăng doanh số thông qua việc đưa nhiều sản phẩm vào thị trường, làm cho thị trường của trang trại ngày càng mở rộng, thị phần ngày càng tăng lên. Nội dung của phát triển thị trường gồm:

+ Phát triển thị trường về địa lý: Là việc mở rộng thị trường ở nhiều nơi, làm cho thị phần của trang trại ngày càng tăng.

+ Phát triển thị trường về sản phẩm: Là việc các trang trại làm phong phú, đa dạng sản phẩm hàng hóa nông sản.

- Thị trường của trang trại ngày càng tăng thể hiện rằng nông sản hàng hóa của trang trại ngày càng được khách hàng ưa chuộng. Đây không chỉ là một trong những tiêu chí phản ánh kết quả tiêu thụ hiện tại mà còn là điều kiện để trang trại tiếp tục gia tăng sức mạnh cạnh tranh.

- Các tiêu chí đánh giá sự phát triển thị trường của trang trại là:
- + Thị phần của trang trại qua các năm,
- + Chủng loại nông sản hàng hóa của trang trại,
- + Chất lượng nông sản hàng hóa tăng qua các năm.

1.2.5. Kết quả sản xuất kinh doanh của trang trại

- Kết quả sản xuất kinh doanh của trang trại phản ánh kết quả việc sử dụng các yếu tố nguồn lực, trình độ và năng lực quản lý của chủ trang trại, cũng như việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất của trang trại, thông qua một số tiêu chí định lượng như:

- + Doanh thu/chi phí,
- + Lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận,
- + Giá trị sản lượng nông sản phẩm, tỷ suất hàng hóa,
- + Thu nhập của người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

- Ngoài ra có thể sử dụng thêm một số tiêu chí phản ánh tình hình sử dụng các yếu tố nguồn lực, khả năng huy động và hiệu quả sử dụng các nguồn lực đó vào sản xuất. Các tiêu chí trên được so sánh qua nhiều năm để thấy được sự phát triển và kết quả sản xuất kinh doanh của trang trại.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lý
- Địa hình, thổ nhưỡng
- Thời tiết, thủy văn

1.3.2. Điều kiện xã hội

- Dân số
- Lao động
- Truyền thống văn hóa

1.3.3. Điều kiện kinh tế

- Chính sách vĩ mô của Nhà nước
- Vốn đầu tư
- Thị trường
- Cơ sở vật chất
- Khoa học - công nghệ

1.4. MỘT SỐ KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM

2.1. TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA HUYỆN ĐẠI LỘC ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lý
- Địa hình, thổ nhưỡng
- Thời tiết, thủy văn

2.1.2. Đặc điểm về xã hội

- Dân số
- Lực lượng lao động
- Truyền thống văn hóa

2.1.3. Đặc điểm về kinh tế

a. Tốc độ phát triển kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 14,63%, cơ bản đạt chỉ tiêu đề ra. Trong đó công nghiệp - xây dựng tăng nhanh nhất với tốc độ tăng bình quân hàng năm 19,39%. Thương mại - dịch vụ tăng bình quân 14,71%, chưa đạt chỉ tiêu đề ra là 15%. Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản tăng bình quân 6,99%/năm.

b. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Bảng 2.1 cho thấy giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất và tăng liên tục qua các năm, từ 39,33% năm 2001, đến năm 2005 là 48,14% tăng lên 59,07% vào năm 2010. Tỉ trọng giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ giai đoạn 2001-2005 tăng nhẹ qua các năm, từ 20,76% năm 2001 đến năm 2005 là 21,09%. Tỉ trọng giá trị sản xuất ngành nông - lâm -

thủy sản có xu hướng giảm, từ 39,91% năm 2001, đến năm 2010 là 20,02%. Tuy nhiên, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm so với chỉ tiêu đề ra, tỉ trọng ngành thương mại - dịch vụ còn thấp.

Bảng 2.1. Cơ cấu kinh tế huyện Đại Lộc qua các năm

DVT: %

Năm	2001	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Công nghiệp - xây dựng	39,33	48,14	51,66	54,60	56,96	58,70	59,07
Thương mại - dịch vụ	20,76	21,09	19,44	20,22	21,33	20,56	20,91
Nông - lâm - thủy sản	39,91	30,77	28,90	25,17	21,71	20,74	20,02
Tổng số	100	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Đại Lộc

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN ĐẠI LỘC THỜI GIAN QUA

2.2.1. Thực trạng phát triển về số lượng trang trại

Trong 2 năm 2006, 2007, tổng số trang trại tăng lên từ 102 đến 104 trang trại, nhưng đến năm 2008, thực hiện việc điều tra, đánh giá, phân loại trang trại theo tiêu chí mới, nên có nhiều loại hình trang trại không đạt chuẩn.

Bảng 2.2. Tốc độ tăng của số lượng trang trại và từng loại hình
qua các năm

Loại hình trang trại	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Cây AQ	25	25	3
Lâm nghiệp	11	11	31
Chăn nuôi	34	36	49
KD tổng hợp	30	30	5
Nuôi trồng TS	2	2	0
TC hàng năm	-	-	1
Tổng	102	104	89

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Đại Lộc

Về cơ cấu loại hình trang trại, ở Đại Lộc phần lớn là trang trại chăn nuôi (chiếm 55,06% trên tổng số trang trại năm 2008). Chiếm tỷ lệ nhỏ nhất là loại hình trang trại trồng cây ăn quả.

2.2.2. Thực trạng các yếu tố nguồn lực

a. Đất đai

- Diện tích các trang trại phổ biến nằm trong khoảng dưới 5 ha và trên 10 ha. Trong đó, các trang trại có diện tích từ 1 đến 5 ha phần lớn là các trang trại chăn nuôi, trang trại có diện tích trên 10 ha đều là các trang trại hoạt động lâm nghiệp.

- Trang trại trồng cây ăn quả có diện tích bình quân là 42312,5 m², trong đó diện tích đất trồng cây ăn quả là 15.000 m² (chiếm gần 1/3 tổng diện tích), còn lại diện tích có thể sản xuất lâm nghiệp chiếm trên 50% diện tích.

- Trang trại sản xuất kinh doanh tổng hợp có diện tích bình quân là 13891,2 m². Mô hình trang trại này phát triển theo hướng VAC. Đây là loại hình đạt hiệu quả kinh tế cao so với các loại hình khác, nhưng quy mô so với diện tích đạt chuẩn là hơi nhỏ. Trang trại lâm nghiệp có diện tích bình quân là 1,056 ha. Trang trại chăn nuôi có diện tích bình quân nhỏ nhất là 0,03 ha.

b. Nguồn lao động

- Bảng 2.3 cho thấy số nhân khẩu bình quân trên một trang trại là 4,42 người (thấp hơn so với bình quân chung của cả nước 5,4 người), trong đó chủ yếu là sử dụng lao động gia đình, tuy nhiên hầu hết các trang trại đều phải thuê lao động và chỉ thuê vào thời vụ, với số lượng rất hạn chế (trung bình 237,8 công trên/1 năm). Như vậy, thực trạng lao động và sử dụng lao động của các trang trại ở quy mô nhỏ, sản xuất với trình độ thấp.

Bảng 2.3. Thực trạng nhân khẩu và lao động của các loại hình trang trại ở huyện Đại Lộc năm 2010 (Tính bình quân cho 1 trang trại)

Các chỉ tiêu	ĐVT	Loại hình				Bình quân
		Chăn nuôi	Lâm nghiệp	Cây AQ	Cây hàng	
1. Nhân khẩu và LĐ						
- Nhân khẩu	Người	3,70	4,20	5,00	4,00	4,42
- LĐ thường xuyên	LĐ	2,60	3,13	5,00	2,00	3,62
- Lao động thời vụ	Công	170,00	250,00	350,00	87,00	237,83
2. Chuyên môn chủ TT						
- Chưa qua đào tạo	%	60,00	50,00	100,00	100,00	80,83
- Công nhân	%	13,33	25,00	0,00	0,00	10,56
- Trung cấp	%	26,67	25,00	0,00	0,00	8,61
- Cao đẳng	%	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
- Đại học	%	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

Nguồn: Phòng LĐTB&XH huyện Đại Lộc

- Thực tế khảo sát trình độ chuyên môn kỹ thuật của chủ trang trại còn thấp (bình quân trên toàn quốc, lao động chưa qua đào tạo là 80,83%). Về độ tuổi, phần lớn chủ trang trại nằm trong độ tuổi từ 45 đến 60 tuổi (71,11%), đây là độ tuổi cao so với bình quân trung của cả nước. Trong các trang trại điều tra không có trang trại nào mà tuổi chủ hộ dưới 30 và trên 60 chiếm tỷ lệ nhỏ (1,11%).

c. Vốn đầu tư

- Trang trại chăn nuôi có vốn đầu tư bình quân là 106,36 triệu đồng, vốn của chủ trang trại chăn nuôi chiếm 76,5%, còn lại vốn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác chiếm 17,49%.

- Trang trại lâm nghiệp có số vốn bình quân là 136,25 triệu đồng, trong đó số vốn của chủ trang trại chiếm 50,28%, nguồn vốn huy động khác chiếm 48,8% và nguồn vốn vay ngân hàng chỉ chiếm một phần rất nhỏ là 0,92%.

Bảng 2.4. Nguồn vốn SXKD của các loại hình trang trại năm 2010

(Tính bình quân 1 trang trại)

Nguồn vốn	Phân theo loại hình trang trại									
	Chăn nuôi		Lâm nghiệp		KDTH		Cây AQ		Cây hàng năm	
	SL (tr.đ)	Cơ cấu (%)	SL (tr.đ)	Cơ cấu (%)	SL (tr.đ)	Cơ cấu (%)	SL (tr.đ)	Cơ cấu (%)	SL (tr.đ)	Cơ cấu (%)
1. Vốn chủ sở hữu	81,43	76,56	68,50	50,28	149,00	99,00	70,00	93,33	45,00	100,00
2. Vốn vay	18,60	17,49	1,25	0,92	0,00	0,00	5,00	6,67	0,00	0,00
3. Vốn khác	6,33	5,95	66,50	48,81	1,50	1,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Tổng cộng	106,36	100,00	136,25	100,00	150,5	100,00	75	100,00	45,00	100,00

Nguồn: Niên giám Thống kê huyện Đại Lộc năm 2010

- Trang trại sản xuất kinh doanh tổng hợp có số vốn bình quân lớn nhất trong số các trang trại của huyện. Với tổng số vốn bình quân trên một trang trại là 150,5 triệu đồng, trong đó phần vốn của chủ trang trại chiếm 99% và chỉ có 1% là nguồn vốn khác.

- Trang trại trồng cây công nghiệp lâu năm có số vốn là 40 triệu đồng, vốn tự có của chủ trang trại là 28 triệu đồng, còn lại là nguồn vốn khác. Loại hình trang trại này cần có nguồn vốn đầu tư lâu dài, chủ trang trại cần đầu tư thêm vốn để phát triển loại hình trang trại này.

d. Hệ thống cơ sở vật chất

- Đại Lộc có hệ thống giao thông suốt nối liền với thành phố Đà Nẵng bằng nhiều con đường thuận lợi cho việc giao lưu mua

bán hàng hóa giữa Đại Lộc với các huyện, tỉnh, thành khác.

- Đến năm 2010, huyện đã chủ động được nước tưới cho 823 ha, chiếm 15% diện tích đất nông nghiệp, 100% số xã trên địa bàn huyện đã có điện lưới quốc gia góp phần quan trọng trong phát triển nông, lâm nghiệp của huyện.

- Mạng lưới viễn thông phủ sóng toàn huyện với chất lượng sóng tốt, 100% số xã có điểm bưu điện văn hóa xã, mạng internet về đến các xã miền núi, khó khăn, 25,6% số hộ sử dụng điện thoại cố định đáp ứng yêu cầu về thông tin liên lạc của xã hội.

e. Khoa học - công nghệ

- Trong trồng trọt đã đưa vào trồng các giống cây ngắn ngày phù hợp với điều kiện canh tác của địa phương và tạo nguồn thức ăn cho gia súc. Áp dụng chương trình quản lý tổng hợp dịch hại trên cây trồng, phương thức canh tác luân canh, xen canh, gối vụ hợp lý với từng loại cây trồng.

- Trong chăn nuôi đã ứng dụng thành công công nghệ truyền tinh nhân tạo, cải thiện đáng kể năng suất con vật nuôi; từng bước ứng dụng rộng rãi các quy trình công nghệ chăn nuôi theo hướng công nghiệp.

- Đối với ngành lâm nghiệp, huyện đã du nhập và chuyển giao công nghệ lai trồng các loại cây lâu năm, đã có vườn ươm nhân giống cung cấp cây giống cho việc trồng rừng hàng năm tại huyện.

2.2.3. Thực trạng về liên kết sản xuất

- Tình trạng sản phẩm nông sản hàng hóa do các trang trại sản xuất ra không tiêu thụ được hoặc phải bán với giá thấp hơn rất nhiều so với giá thị trường ở những địa bàn thuận lợi, trong khi giá các yếu tố đầu vào phải mua với giá cao đang nổi lên là một trong những vấn đề bức xúc mà các chủ trang trại đang phải chấp nhận.

- Việc liên kết sản xuất của các trang trại trên địa bàn huyện trong thời gian qua chưa phát triển. Vấn đề liên kết sản xuất giữa các trang trại với nhau, giữa trang trại với các nông lâm trường, với các hợp tác xã chưa được các chủ trang trại quan tâm đúng mức. Vì thế các trang trại gặp khó khăn trong việc mở rộng quy mô sản xuất, cũng như giải quyết các yếu tố đầu vào, đầu ra của trang trại còn nhiều bất cập, gây nhiều thiệt hại cho các chủ trang trại.

2.2.4. Thực trạng về phát triển thị trường

- Quy mô các trang trại trong lĩnh vực nông lâm ở huyện Đại Lộc là không lớn, các sản phẩm làm ra còn nhỏ lẻ, thời điểm thu hoạch, trữ lượng và chất lượng các loại nông sản không đồng đều do có sự khác biệt về giống, kỹ thuật canh tác và cơ cấu sản phẩm nên các trang trại gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ nông sản hàng hóa.

- Việc mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản hàng hóa đang gặp nhiều khó khăn.

- Thông tin hai chiều giữa các trang trại trong lĩnh vực nông lâm với các cơ quan và doanh nghiệp nhà nước trong việc giúp các trang trại nắm bắt kịp thời chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước cũng như tình hình kinh doanh của các ngành, đơn vị kinh tế có liên quan chưa kịp thời.

2.2.5. Thực trạng về kết quả sản xuất kinh doanh

- Qua bảng 2.5 cho thấy, về tổng giá trị sản xuất, loại hình trang trại kinh doanh tổng hợp có giá trị cao nhất là 194,26 triệu đồng/trang trại/năm. Thấp nhất là trang trại trồng cây công nghiệp lâu năm 40,3 triệu đồng. Về tổng chi phí trung gian, loại hình trang trại tổng hợp vẫn có vốn đầu tư cao nhất là 134.71 triệu đồng/trang trại/năm, tiếp đến là trang trại chăn nuôi có mức đầu tư là 134,51 triệu. Trang trại có đầu tư thấp nhất là trang trại lâm nghiệp với 20,83 triệu đồng.

- Tổng giá trị gia tăng của các trang trại có sự khác nhau lớn. Loại hình trang trại tổng hợp tạo được giá trị tăng thêm cao nhất, tiếp đến là trang trại chăn nuôi. Với các trang trại chăn nuôi và sản xuất kinh doanh tổng hợp, do có sự đầu tư cho sản xuất cao hơn nên VA của các trang trại này cao hơn.

Bảng 2.5. Kết quả sản xuất kinh doanh của các trang trại ở huyện Đại Lộc năm 2010 (Tính bình quân một trang trại)

Chỉ tiêu	ĐVT	Loại hình trang trại				Bình quân chung
		CN	Lâm nghiệp	Tổng hợp	Cây AQ	
GO	Tr.đ	182,05	45,93	194,26	48,90	102,29
IC	Tr.đ	134,51	20,83	134,71	23,90	68,30
VA	Tr.đ	47,54	25,10	59,55	25,00	33,99
VA/IC	lần	0,35	1,20	0,44	1,05	0,70
GO/IC	lần	1,35	2,20	1,44	2,05	1,70
VA/LĐ/Tháng	1000đ	1524,00	668,00	1241,00	417,00	812,40
VA/LĐ/Năm	1000đ	70020,00	14670,00	48570,00	9780,00	30220,00

Nguồn: Phòng NN&PTNT huyện Đại Lộc

- Các trang trại chăn nuôi và trang trại tổng hợp có VA/LĐ/tháng là cao nhất, thấp nhất lại là các trang trại có tỷ suất VA/IC cao, tương tự như vậy tổng thu của trang trại/1 lao động/1 năm của các trang trại này cũng cao nhất.

2.3. NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ CHẬM PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN ĐẠI LỘC

2.3.1. Nguyên nhân từ phía chính quyền

- Công tác quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở chưa đảm bảo.

- Chính sách hỗ trợ đối với loại hình kinh tế trang trại còn hạn chế.

- Công tác khuyến nông chưa thực sự phát huy vai trò.

- Các trang trại chưa được thừa nhận về mặt pháp lý nên chưa có tư cách pháp nhân trong quan hệ giao dịch với cơ quan công quyền và các tổ chức kinh tế, nhất là với các tổ chức tín dụng.

2.3.2. Nguyên nhân từ bản thân các trang trại

- Các trang trại gặp nhiều khó khăn về vốn sản xuất kinh doanh.
- Chủ trang trại chủ yếu là nông dân, tuy có nhiều kinh nghiệm thực tế nhưng thiếu kiến thức kỹ thuật, trình độ quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đa số các trang trại gặp nhiều khó khăn trong việc định hướng sản xuất và bán các hàng hóa nông sản. Đây là nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới khâu thu tiền về của cả trang trại sau một chu kỳ sản xuất.
- Việc áp dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất còn khiêm tốn, nhiều ứng dụng chưa mang tính đặc thù riêng cho từng vùng sinh thái, thiếu chọn lọc nên chưa đem lại hiệu quả cao.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM

3.1. CÁC CĂN CỨ TIỀN ĐỀ ĐỂ XÂY DỰNG GIẢI PHÁP

3.1.1. Xuất phát từ nhu cầu thị trường

Sản xuất ở kinh tế trang trại luôn gắn với thị trường, lấy nhu cầu thị trường làm căn cứ, lấy lợi nhuận làm mục tiêu.

3.1.2. Xuất phát từ chiến lược phát triển nông nghiệp nói chung và kinh tế trang trại nói riêng của huyện Đại Lộc

- Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng chú trọng tăng trưởng về giá trị và hiệu quả kinh tế, gắn chặt hơn nữa với công

ng nghiệp chế biến và thị trường.

- Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đầu tư phát triển kinh tế trang trại, vườn rừng, vườn đồi ở các xã miền núi và những vùng có điều kiện thuận lợi; nhân rộng các mô hình trang trại có hiệu quả.

- Tăng giá trị các ngành nông - lâm nghiệp ở mức 4,5%/năm; phát triển kinh tế trang trại tăng nhanh cả về lượng và chất, chú trọng đầu tư theo chiều sâu, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

3.1.3. Xuất phát từ tiềm năng có thể khai thác để phát triển kinh tế trang trại

Huyện Đại Lộc có những tiềm năng nhất định trong việc phát triển kinh tế trang trại, đó là:

- Sự đa dạng về địa hình, đất đai dẫn đến đa dạng về cơ cấu cây trồng, vật nuôi.
- Dân số của huyện Đại Lộc tương đối trẻ, lực lượng lao động đông đảo và phần lớn sống bằng nghề nông nên có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp nói chung, phát triển kinh tế trang trại nói riêng.

- Đại Lộc lại gần thành phố Đà Nẵng, một thị trường có sức tiêu thụ lớn, một đầu mối của các hoạt động xuất nhập khẩu. Đây là lợi thế so sánh cần được khai thác trong việc giải quyết vấn đề thị trường trong phát triển kinh tế trang trại.

3.1.4. Một số quan điểm có tính nguyên tắc khi xây dựng giải pháp

- Phát triển kinh tế trang trại gắn với xây dựng nền nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phát triển kinh tế trang trại gắn với thu hút lao động nông thôn, xoá đói giảm nghèo, tạo công bằng xã hội.

- Phát triển kinh tế trang trại gắn liền với việc tăng cường vai trò của kinh tế tập thể theo cơ chế thị trường.

- Phát triển kinh tế trang trại nhằm phát huy có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao đời sống nhân dân.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN ĐẠI LỘC

3.2.1. Phát triển số lượng trang trại

- Tiếp tục tạo hành lang pháp lý về mô hình hoạt động của kinh tế trang trại, thiết lập những tiêu chí riêng để hình thành các mô hình kinh tế trang trại mới nhằm tận dụng lợi thế từ điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái, các tập quán tâm lý xã hội của từng khu vực dân cư và lợi thế so sánh của từng địa bàn xã, theo hướng kết hợp nhiều loại sản phẩm, trong đó:

+ Các xã đồng bằng: Phát triển các trang trại chăn nuôi, loại hình VAC, trang trại rau, hoa, cây cảnh nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của dân cư trong tiến trình đô thị hóa.

+ Các xã trung du, miền núi: Phát triển mạnh trang trại chăn nuôi gia cầm, gia súc, các trang trại kinh doanh tổng hợp, nông lâm kết hợp nhằm tạo việc làm và thu nhập thường xuyên, cũng như tận dụng được sức sản xuất của đất đai.

- Hỗ trợ chuyển các nông hộ có quy mô cận tiêu chí trang trại lên loại hình trang trại theo Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT để chủ hộ có điều kiện đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực đang hoạt động.

- Đầu tư theo chiều sâu đối với các trang trại sản xuất kinh doanh trong những ngành nghề nông nghiệp then chốt, truyền thống

của huyện như trồng Sắn ở Đại Tân (cung cấp nguyên liệu cho nhà máy Cồn Đồng Xanh – Đồng Nghệ), trồng Dâu ươm tơ ở các xã Đại Hòa, Đại An.

3.2.2. Gia tăng các yếu tố nguồn lực

a. Gia tăng quy mô diện tích đất đai sử dụng trong các trang trại

- Hoàn chỉnh quy hoạch đất đai

Tùng xã tiến hành điều tra, khảo sát lại toàn bộ đất đai, hiện trạng sử dụng đất để xác định quỹ đất có thể cải tạo và phát triển trang trại. Trên cơ sở đó, huyện tiến hành quy hoạch đất đai để phát triển kinh tế trang trại theo quy hoạch tổng thể của địa phương, gắn phát triển kinh tế trang trại với phát triển các ngành công nghiệp chế biến và du lịch.

- Đẩy nhanh quá trình tập trung đất đai

+ Tập trung đất từ tình trạng manh mún thành các trang trại quy mô nhỏ, liên kết các trang trại có quy mô nhỏ thành các trang trại có quy mô lớn hơn bằng cách thực hiện dồn điền, đổi thửa trên cơ sở khuyến khích các trang trại tự nguyện trao đổi đất là chính.

+ Tạo điều kiện thuận lợi trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho phép những người có điều kiện vốn liếng, kỹ thuật thực hiện tích tụ ruộng đất phát triển sản xuất trang trại.

- Giao đất, cho thuê đất, cấp quyền sử dụng đất cho các chủ trang trại đủ điều kiện

+ Huyện có kế hoạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông, lâm nghiệp cho các chủ trang trại hợp pháp chưa có quyền sử dụng đất, để chủ trang trại an tâm sản xuất và thuận lợi trong việc thế chấp vay vốn ngân hàng.

+ Đẩy mạnh việc giao đất, cho thuê đất để hộ nông dân thuận lợi phát triển kinh tế trang trại ở những vùng đồi núi chưa khai thác,

vùng trọng điểm phát triển kinh tế trang trại, vùng giáp ranh với các huyện miền núi khác.

b. Gia tăng quy mô lực lượng lao động của các trang trại

- Huyện kết hợp với các Trung tâm Khuyến nông, khuyến lâm, các Trung tâm dạy nghề tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho các chủ trang trại những kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn về tổ chức và quản lý sản xuất, về cách tiếp cận với kinh tế thị trường, tiếp cận với khoa học kỹ thuật, công nghệ mới.

- Phối hợp với Trung tâm Giới thiệu việc làm của Tỉnh tổ chức các Sàn giao dịch, Hội chợ việc làm trong lĩnh vực nông - lâm.

- Giải quyết mối quan hệ giữa chủ trang trại với người lao động thông qua việc thực hiện chế độ tiền lương, bảo hiểm, đãi ngộ hợp lý.

c. Hỗ trợ tiếp cận vốn đầu tư cho các trang trại

- Xây dựng chính sách hỗ trợ trang trại vay vốn mở rộng sản xuất bằng hình thức bảo lãnh và thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, từ phương án sản xuất kinh doanh của trang trại.

- Hướng dẫn các chủ trang trại lập các thủ tục xác nhận tài sản, lập dự án vay vốn ngân hàng theo chu kỳ sản xuất, tăng cường cho vay trung và dài hạn với lãi suất hợp lý để các trang trại mở rộng đầu tư theo chiều sâu. Tổ chức xây dựng các quỹ tín dụng nhân dân có sự tham gia của các chủ trang trại.

- Cấp giấy chứng nhận Kinh tế trang trại cho các trang trại đủ điều kiện để thuận lợi trong việc thế chấp vay vốn ngân hàng.

- Đổi mới những chính sách ưu tiên về vốn, ưu đãi về thuế thích hợp với từng vùng, từng ngành nghề trong thời kỳ nhất định để khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế trang trại phát triển đúng thực chất và định hướng.

d. Gia tăng quy mô của hệ thống cơ sở vật chất phục vụ phát

triển kinh tế trang trại

- Huyện đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng ở nông thôn như: xây dựng các cụm kinh tế, thiết chế văn hóa, hệ thống đường liên thôn, trường học, trạm y tế, đài truyền thanh... đảm bảo các tiêu chí của Chương trình mục tiêu Quốc gia về "Xây dựng nông thôn mới".

- Xây dựng các hồ nước, các trạm bơm phục vụ cho việc tưới tiêu vào mùa khô nhằm đảm bảo năng suất cây trồng cho các trang trại. Hoàn thiện hệ thống kênh mương nội đồng để dẫn nước đến các vùng sản xuất khô hạn ở các xã trên địa bàn huyện, đặc biệt là các xã miền núi của huyện.

e. Gia tăng quy mô hàm lượng khoa học - công nghệ ứng dụng vào việc phát triển kinh tế trang trại

- Khuyến khích và hỗ trợ các chủ trang trại mạnh dạn đầu tư nghiên cứu khoa học và áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nông, lâm nghiệp, tăng năng suất và chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Xây dựng mối liên kết, hợp đồng giữa các trang trại với nhà khoa học trong việc nghiên cứu, chế tạo máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu lai tạo giống cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật canh tác cho chủ trang trại và người lao động.

- Đẩy mạnh việc triển khai công nghệ sau thu hoạch, quy hoạch công nghiệp chế biến trên địa bàn huyện.

3.2.3. Mở rộng và tăng cường các hình thức liên kết, hợp tác

- Hình thành các trang trại theo mô hình liên kết giữa trang trại với nông dân bằng cách tiến hành ký hợp đồng cam kết với các hộ nông dân trong vùng về việc sử dụng ruộng đất theo kế hoạch sản xuất chung, việc tiến hành canh tác vẫn giao cho các hộ gia đình thực hiện.

- Các trang trại trong cùng lĩnh vực nông lâm phải liên kết và hợp tác với nhau, cùng giải quyết những vấn đề khó khăn mà hầu hết các trang trại gặp phải, như: vốn, đất đai, lao động, trang thiết bị sản xuất, ứng dụng khoa học - kỹ thuật, thông tin thị trường, tổ chức quản lý, chất lượng sản phẩm.

- Thực hiện chương trình liên kết “4 nhà” giữa nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông.

- Xây dựng mô hình quan hệ giữa chủ trang trại, công ty chế biến, thương mại và ngân hàng nông nghiệp trong việc cung cấp giống, phân bón gắn với cho vay vốn sản xuất dựa trên cơ sở xác lập mối quan hệ kinh tế giữa ba đối tác có tính chất pháp lý.

3.2.4. Phát triển thị trường

- Phát triển rộng rãi hệ thống thông tin thị trường cũng như tăng cường công tác dự báo thị trường để chủ trang trại có điều kiện tiếp cận thông tin, chủ động ngay khi lên kế hoạch sản xuất, định hướng sản xuất theo nhu cầu thị trường.

- Đẩy mạnh việc xây dựng các hợp tác xã tiêu thụ nông lâm sản. Xúc tiến tìm kiếm và giới thiệu thị trường nông lâm sản trong và ngoài nước cho các trang trại, tránh tình trạng ép giá của tư thương ở địa phương.

- Phát huy vai trò của cơ quan quản lý Nhà nước trong việc trung gian giới thiệu, bảo lãnh ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa các trang trại với các nhà máy chế biến nông lâm sản. Gắn quy hoạch và phát triển ngành công nghiệp chế biến với quy hoạch phát triển các trang trại sản xuất nguyên liệu trên địa bàn huyện.

- Các trang trại tổ chức sản xuất dựa vào nhu cầu của doanh nghiệp chế biến, thị hiếu của người tiêu dùng. Ký kết các hợp đồng tiêu thụ với khách hàng, doanh nghiệp.

- Sản xuất kinh doanh của các trang trại gắn liền với quá trình chế biến và tiêu thụ sản phẩm bằng cách ký kết hợp đồng hợp tác với các công ty chế biến, công ty thương mại.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, nhất là ở khu vực nông thôn. Có chính sách hỗ trợ vốn dài hạn, đa dạng hóa nguồn thị trường cung cấp tín dụng cho các trang trại. Cần phân tích, đánh giá lại các tiêu chí trang trại phù hợp với từng vùng lãnh thổ, khu vực kinh tế khác nhau để chuyển các nông hộ cận tiêu chí trang trại phát triển đạt chuẩn trang trại.

- Hỗ trợ kinh phí để tập huấn, nâng cao trình độ quản lý sản xuất kinh doanh và khoa học - kỹ thuật; liên doanh liên kết các cơ sở sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản, kịp thời cung cấp thông tin thị trường cho chủ trang trại.

KẾT LUẬN

- Phát triển kinh tế trang trại ở huyện Đại Lộc là con đường xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống nhân dân. Các yếu tố được coi là nguồn lực của các trang trại ở Đại Lộc còn khiêm tốn về số lượng và chất lượng, sản xuất kinh doanh vẫn dựa vào kinh nghiệm hiểu biết của bản thân chủ trang trại là chính.

- Để phát triển mạnh kinh tế trang trại ở huyện Đại Lộc theo hướng bền vững cần giải quyết các vấn đề mấu chốt như: gia tăng các yếu tố đất đai, lao động, vốn đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, gia tăng hàm lượng khoa học - công nghệ, phát triển số lượng và đa dạng hóa các loại hình trang trại, mở rộng và tăng cường các hình thức liên kết, hợp tác, giải quyết thị trường đầu vào, đầu ra cho các trang trại.